

Bản án: 18 /2018/LĐ-ST
Ngày: 29/6/2018
V/v tranh chấp: “Bảo hiểm thất nghiệp
và chốt sổ bảo hiểm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Lý
2. Ông Vũ Trung Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLST-LĐ ngày 08/02/2018 về tranh chấp “Bảo hiểm thất nghiệp và chốt sổ bảo hiểm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST-LĐ ngày 31/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989, địa chỉ: 85/14A Đường A, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty cổ phần chuyên phát nhanh V; địa chỉ trụ sở: 28 Đường E, phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trịnh P – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Nhật H (giấy ủy quyền 20/6/2018 thay thế giấy ủy quyền ngày 13/3/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn trình bày: Ngày 05/01/2015 bà vào làm việc tại công ty cổ phần chuyên phát nhanh V. Đến tháng 9/2016 bà được bổ nhiệm vị trí phó phòng nhập liệu. Đến ngày 09/5/2017 bà nghỉ việc; sau khi nghỉ việc 02 tháng bà đến phòng nhân sự hỏi sổ bảo hiểm nhưng công ty chưa đóng tiền, không chốt được

sổ. Ngày 15/9/2017 sau khi trễ 01 tháng thời gian đăng ký bảo hiểm thất nghiệp bà đã đến công ty và có văn bản gửi phòng nhân sự nhưng không nhận được phản hồi.

Ngày 24/11/2017 sau khi công ty thông báo đã chốt được sổ bảo hiểm, bà đến công ty lấy sổ cũng như tiền bảo hiểm thất nghiệp nhưng công ty vẫn không giải quyết. Nay bà yêu cầu công ty thanh toán tiền bảo hiểm thất nghiệp 11.550.000đ và chốt sổ từ ngày 01/3/2015 đến ngày 09/5/2017.

Đối với các tin nhắn qua skype thì bà xin rút lại các chứng cứ trên vì các chứng cứ đó chỉ mang tính cá nhân trong quá trình trao đổi thông tin về việc công ty không trả sổ bảo hiểm.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Phía công ty cổ phần chuyên phát nhanh V không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn thanh toán tiền bảo hiểm thất nghiệp 11.550.000đ vì công ty đã chốt sổ bảo hiểm vào tháng 4/2017. Đối với các tin nhắn skype do bà L nộp thì công ty không xác định được nên không thừa nhận.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn trình bày: khi nghỉ việc bà có lên công ty 03 lần để yêu cầu chốt, trả sổ để bà làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm thất nghiệp; các lần lên công ty thì không có lập biên bản làm việc. Nay bà xác định công ty đã chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà đến tháng 4/2017 bà không thắc mắc; thời gian làm việc còn lại từ ngày 1/5/2017 đến 9/5/2017 theo quy định thì không đủ điều kiện để đóng bảo hiểm xã hội nên bà không yêu cầu công ty đóng tiếp cho bà những ngày trên. Bà chỉ yêu cầu công ty thanh toán lại số tiền bảo hiểm thất nghiệp là 11.550.000đ vì bà không nhận được tiền từ cơ quan bảo hiểm là do công ty chốt sổ chậm (theo sổ thì công ty chốt sổ cho bà vào ngày 16/11/2017). Cơ sở để tính bảo hiểm thất nghiệp là lương của 6 tháng liên kế, 5 tháng trước đó mức lương của bà là 6.500.000đ, tháng thứ 6 mức lương là 6.000.000đ, như vậy mức hưởng bảo hiểm thất nghiệp là $60\% \times 3 \text{ tháng lương} (6.416.000\text{đ}) = 11.550.000\text{đ}$; yêu cầu công ty thanh toán ngay một lần.

Bị đơn trình bày: không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn vì theo luật việc làm, luật Bảo hiểm xã hội thì việc bồi thường chỉ xảy ra khi có thiệt hại. Bà L thừa nhận sau khi nghỉ việc có kinh doanh tự do tại nhà, đã có việc làm, đã có thu nhập nên không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét bà Nguyễn Thị L khởi kiện Công ty cổ phần chuyên phát nhanh V phải thanh toán bảo hiểm thất nghiệp và chốt sổ bảo hiểm xã hội. Đây là tranh chấp lao động giữa cá nhân người lao động và người sử dụng lao động về “Bảo hiểm thất nghiệp và chốt sổ bảo hiểm xã hội”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bà Lý khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định pháp luật.

[3] Về tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xác định nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bị đơn Công ty cổ phần chuyên phát nhanh V

[4] Về pháp luật nội dung: Xét quan hệ lao động và tranh chấp phát sinh tại thời điểm 2015 nên áp dụng pháp luật nội dung theo quy định tại Bộ luật Lao động năm 2012 để xem xét giải quyết.

[5] Về các yêu cầu của nguyên đơn Đòi tiền bảo hiểm thất nghiệp, trả và chốt sổ bảo hiểm xã hội. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét trong quá trình giải quyết vụ án giữa nguyên đơn, bị đơn đã giao, nhận sổ bảo hiểm xã hội xong vào ngày 04/5/2018 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu này.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về chốt sổ bảo hiểm xã hội:

Xét quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 15151/QĐ/VSE/2017 ngày 04/5/2017 thì bà L nghỉ việc tại công ty cổ phần chuyên phát nhanh V kể từ ngày 09/5/2017; hai bên không có tranh chấp khiếu nại về quyết định trên. Căn cứ sổ bảo hiểm xã hội thì phía bị đơn đã chốt và đóng bảo hiểm xã hội cho bà L đến tháng 04/2017 và tiền lương để làm cơ sở tính bảo hiểm xã hội tại thời điểm tháng 4/2017 là 6.000.000đ/tháng. Tại phiên tòa nguyên đơn xác định không có yêu cầu bị đơn đóng tiếp bảo hiểm xã hội từ ngày 01/5/2017 đến 09/5/2017, việc chốt sổ bảo hiểm xã hội hai bên đã thực hiện xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền bảo hiểm thất nghiệp là 11.550.000đ. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét nguyên đơn cho rằng nguyên đơn không thể nhận tiền bảo hiểm thất nghiệp do bị đơn chậm chốt bảo hiểm xã hội thể hiện qua các tin nhắn skype, tuy nhiên nguyên đơn đã xác định rút lại yêu cầu xem xét đánh giá chứng cứ trên; đối với những lần nguyên đơn khai liên hệ trực tiếp tại công ty (không có biên bản

làm việc) và không được bị đơn thừa nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét đánh giá.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Lao động; căn cứ Điều 43 Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 thì từ ngày 01/01/2009 tiền trợ cấp thất nghiệp do bảo hiểm xã hội chi trả; trường hợp có thiệt hại và có yêu cầu thì được xem xét theo quy định tại Điều 116 Luật bảo hiểm xã hội. Do đó, yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền bảo hiểm thất nghiệp 11.550.000đ là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; nguyên đơn, bị đơn không phải nộp án phí .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 48 Bộ luật lao động 2012;

Căn cứ Điều 116 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 và Nghị định 100/2012/NĐ-CP ngày 21/11/2012 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số 127/2008/NĐ);

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L về việc buộc bị đơn - Công ty Cổ phần chuyển phát nhanh V thanh toán số tiền bảo hiểm thất nghiệp là 11.550.000đ (Mười một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn không phải nộp án phí;

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (Đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Án xử công khai các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình ;
- Các đương sự ;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Như Hà